

HƯỚNG DẪN KIỂM TRA CÁC CƠ SỞ NUÔI SINH SẢN VÀ NUÔI SINH TRƯỞNG ĐỘNG VẬT



Ấn bản lần thứ nhất, tháng 2 năm 2017

Được thực hiện theo Hợp đồng của Ban thư ký CITES bởi Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN), Rue Mauverney 28, 1196 Gland, Thụy Sĩ.

Biên soạn: Jessica A. Lyons, Robert W. G. Jenkins và Daniel J. D. Natusch

Được xuất bản với sự hỗ trợ tài chính của Liên minh Châu Âu

Việc sao chép ấn phẩm này nhằm mục đích giáo dục hoặc phi thương mại khác đều được phép mà không cần sự cho phép trước của người sở hữu quyền tác giả.

Việc sao chép để bán lại hoặc nhằm các mục đích thương mại khác bằng bất cứ phương tiện nào - chụp ảnh, điện tử hoặc máy móc, bao gồm sao chụp, ghi âm, ghi hình hoặc các hệ thống lưu trữ và truy xuất thông tin - đều bị nghiêm cấm nếu không có sự cho phép trước bằng văn bản của người sở hữu quyền tác giả.

Các chỉ dẫn địa lý được sử dụng trong tài liệu này không ngụ ý thể hiện bất cứ ý kiến nào của những người biên soạn hoặc Ban thư ký CITES đối với tình trạng pháp lý của bất cứ quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc khu vực nào, hoặc đối với việc phân định ranh giới hoặc biên giới của chúng.

Ban thư ký CITES

Maison internationale de l'environnement

Chemin des Anémones

CH-1219 Châtelaine, Genève

Thụy Sĩ

ĐT: +41 (0) 22 917 8139/40

Fax: +41 (0) 22 797 34 17

E-mail: info@cites.org

Web: www.cites.org

Lời cảm ơn của các tác giả

Tài liệu hướng dẫn này được sự hỗ trợ đáng kể từ các cuộc tham vấn với các chuyên gia về nuôi sinh sản và duy trì các loài khác nhau tại các cơ sở gây nuôi thương mại, sở thú và các bộ sưu tập tư nhân. Đặc biệt, chúng tôi xin cảm ơn Bill Hughes, Francois Le Berre, Yuri Lukin, Vladimir Odinchenko, Buntje Soetanto, Richard Struijk và Peter Paul van Dijk đã dành thời gian và thông tin giúp cải thiện khung hướng dẫn này.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn rất nhiều người tại các nước thuộc vùng phân bố và có nuôi sinh sản và nuôi sinh trường các loài thú, chim, bò sát, cá và động vật không xương sống đã nhiệt tình cung cấp cho chúng tôi các thông tin hữu ích để hoàn thành tài liệu hướng dẫn này. Ngoài ra, chúng tôi xin cảm ơn đội ngũ cán bộ của một số Cơ quan Quản lý và Cơ quan Khoa học CITES đã chia sẻ kinh nghiệm về những thách thức vốn có trong quá trình kiểm tra các trại nuôi những loài nhau.

Cuối cùng, chúng tôi xin cảm ơn Dena Cator và Richard Jenkins của IUCN đã tạo điều kiện thuận lợi cho công việc và đưa ra các nhận xét giúp cải thiện tài liệu cuối cùng, và Claire Beastall của TRAFFIC Đông Nam Á đã nỗ lực tạo ra, như một phần cộng tác đầu tiên, khung cho các phiếu thu thập dữ liệu.

PHẦN 1. GIỚI THIỆU

Động vật được sinh ra hoặc nuôi trong môi trường có kiểm soát, độc lập với các quần thể hoang dã, ngoại trừ việc thỉnh thoảng bổ sung mẫu vật hoang dã để tránh cận huyết, có thể được buôn bán mà không làm tổn hại cho những quần thể trong tự nhiên. Đối với các loài bị đe dọa, thông qua việc giảm thiểu áp lực khai thác đối với các quần thể hoang dã, việc buôn bán mẫu vật được nuôi sinh sản có thể có lợi cho phục hồi và bảo tồn các quần thể động vật hoang dã đã bị suy giảm nghiêm trọng. Tương tự, việc nuôi sinh trưởng các loài động vật với nguồn gốc từ trứng hoặc các con non đã được thu hoạch và nuôi tại trại, do chúng có khả năng sống sót rất thấp trong môi trường hoang dã, là hệ thống sản xuất an toàn về mặt sinh học, cũng có thể giúp bảo tồn các quần thể hoang dã.

Tuy nhiên, trừ khi áp dụng việc kiểm soát phù hợp đối với các cơ sở nuôi sinh sản và nuôi sinh trưởng động vật, những cơ sở này thực sự có khả năng tiếp nhận và che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của những mẫu vật bị đánh bắt từ tự nhiên. Để tránh điều này xảy ra, quan trọng là Cơ quan Quản lý CITES và các cơ quan liên quan khác, theo thẩm quyền, phải thực hiện kiểm tra thường xuyên và có hiệu quả đối với tất cả các cơ sở sản xuất ra các mẫu vật của những loài để buôn bán.

Các cán bộ chịu trách nhiệm kiểm tra cơ sở phải quen thuộc với những loài động vật hiện đang được cơ sở đó gây nuôi. Trước khi kiểm tra, cần nghiên cứu về đặc điểm sinh học cơ bản của loài đang được quan tâm. Ví dụ, có thể tìm thấy các thông tin cập nhật về sinh học và tình trạng của nhiều loài động vật thuộc các Phụ lục CITES tại www.iucnredlist.org. Điều này là vô cùng quan trọng khi thực hiện kiểm tra cơ sở lần đầu hoặc trong trường hợp một cơ sở được thành lập đã thay đổi phương thức gây nuôi hoặc mở rộng hoạt động để bao gồm một loài động vật mới. Khi tiến hành kiểm tra, nếu có thể, cán bộ Cơ quan Quản lý CITES cần sự tham gia của đại diện Cơ quan Khoa học CITES hoặc (các) chuyên gia độc lập, được ủy quyền.

Các cuộc kiểm tra được tiến hành một cách miễn cưỡng sẽ đảm bảo rằng một cơ sở:

- Được thành lập hợp pháp và hoạt động tuân theo luật pháp quốc gia liên quan.
- Đang sản xuất các mẫu vật được nuôi sinh sản mà không thường xuyên bổ sung động vật từ tự nhiên hoặc nhập các mẫu vật bất hợp pháp; và
- Có khả năng sản xuất các mẫu vật theo số lượng đã khai báo là nuôi sinh sản hoặc nuôi sinh trưởng.

Việc kiểm tra thường xuyên tại mỗi cơ sở, cùng với số lượng và loại mẫu vật của những loài mà cơ sở đó sản xuất và xuất khẩu, cần được tiến hành một cách cẩn thận và tỉ mỉ. Sau kiểm tra, Cơ quan Quản lý phải lưu giữ đầy đủ hồ sơ, kết quả kiểm tra. Điều này sẽ cho phép giám chính xác mã nguồn gốc trong Giấy phép Xuất khẩu CITES, do đó giúp cho việc buôn bán không bị gián đoạn, hợp pháp và không gây phương hại đối với các mẫu vật được nuôi sinh sản và/hoặc nuôi sinh trưởng của những loài thuộc CITES mà các đối tác thương mại sẵn sàng chấp nhận và không phải chịu bất cứ sự gián đoạn nào để xác minh tính chính xác của các hồ sơ xuất khẩu.

Tài liệu hướng dẫn này được mô phỏng và bổ sung của Sổ tay kiểm tra Cơ sở nuôi sinh sản các loài bò sát vì mục đích thương mại tại Đông Nam Á do Ban thư ký CITES ủy nhiệm và TRAFFIC hoàn thành năm 2013. Sổ tay nêu trên cung cấp ví dụ về cách thức mà khung chung được trình bày trong tài liệu này được cụ thể hóa đối với những hệ thống sản xuất và các loài động vật được quan tâm. Sổ tay kiểm tra Cơ sở nuôi sinh sản các loài bò sát vì mục đích thương mại tại Đông Nam Á có sẵn ở địa chỉ trang web của CITES: <https://cites.unia.es/cites/file.php/1/files/cb-captive-breeding-manual-en.pdf>

PHẦN 2. CÁCH SỬ DỤNG TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KIỂM TRA NÀY

Tài liệu này hướng dẫn người dùng thông qua ba bước kiểm tra cơ sở sau đây:

- Trước khi kiểm tra cơ sở;
- Trong quá trình kiểm tra cơ sở; và
- Sau khi kiểm tra cơ sở.

Các thông tin thu thập trong quá trình thực hiện ba bước này phải được đối chiếu để xác định tính xác thực trong khai báo của một cơ sở về nuôi sinh sản và/hoặc nuôi sinh trưởng. Điều quan trọng là cơ quan quản lý chịu trách nhiệm phải lưu giữ các ghi chép chi tiết và chính xác về các cuộc kiểm tra, vì chúng rất quan trọng cho việc giám sát và đánh giá lâu dài mức độ sản xuất hàng năm và thực hiện quản lý tổng thể.

Đối với mỗi bước, đều có những hướng dẫn chi tiết và các phiếu thu thập thông tin. Bắt đầu quy trình ở BƯỚC 1: TRƯỚC KHI KIỂM TRA CƠ SỞ. Hãy đảm bảo rằng tất cả các nhiệm vụ và các bước đều được hoàn thành trước khi chuyển sang bước tiếp theo.

BƯỚC 1: TRƯỚC KHI KIỂM TRA CƠ SỞ

Tài liệu hướng dẫn này cung cấp một khung chung cho Cơ quan Quản lý và Cơ quan Khoa học CITES quốc gia, và các cơ quan liên quan khác, trong việc đánh giá các cơ sở đã khai báo sản xuất mẫu vật được nuôi sinh sản và/hoặc nuôi sinh trưởng và đánh giá năng lực sản xuất các mẫu vật được buôn bán mỗi năm của những cơ sở đó. Một cách lý tưởng, các cuộc kiểm tra thường xuyên và khách quan đối với các cơ sở nuôi sinh sản và/hoặc nuôi sinh trưởng được thực hiện hàng năm như một phần chương trình công tác của Cơ quan Quản lý, và rất quan trọng nhằm đảm bảo đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Công ước CITES.

A. Thời gian kiểm tra

Nếu cơ sở được cấp phép, hoặc khai báo nuôi sinh sản hoặc nuôi sinh trưởng một loài nào đó, mục đích chính của các cuộc kiểm tra là nhằm xác minh tính xác thực và hợp pháp của cơ sở đó. Do đó, điều quan trọng là các cuộc kiểm tra, bất cứ khi nào có thể, trùng với các hoạt động (hoặc sự kiện) quan trọng mà chúng đặc trưng (hoặc xác định) chế độ quản lý mà cơ sở đó đang thực hành (nghĩa là, nuôi sinh sản và/hoặc nuôi sinh trưởng).

Khi một loài nào đó đang được nuôi sinh sản và/hoặc nuôi sinh trưởng, các cuộc kiểm tra sẽ trùng với một trong hai trường hợp sau đây:

- Trường hợp nuôi sinh trưởng, thu hoạch và ấp trứng và/hoặc chăm sóc các con non được đánh bắt từ tự nhiên về chuyển cho cơ sở để ấp trứng và/hoặc nuôi dưỡng; hoặc
- Trường hợp nuôi sinh sản theo chu trình khép kín, sinh sản trứng tại trại và ấp nở và/hoặc sinh con non tại trại.

B. Công tác chuẩn bị trước kiểm tra (được hoàn thành trong vòng ít nhất 24 giờ trước khi kiểm tra)

Phải tiến hành các bước sau đây khi chuẩn bị kiểm tra cơ sở sản xuất, chăm sóc và xuất khẩu mẫu vật được sản xuất ra:

1. Kiểm tra các hồ sơ ghi chép hiện có để đảm bảo cơ sở đã đăng ký hợp pháp để giữ, nuôi sinh sản hoặc nuôi sinh trưởng loài động vật đang quan tâm. Xác định rằng không có vi phạm nào đáng kể đang bị cơ quan thực thi pháp luật điều tra.
2. Xác định, từ các ghi chép và kiểm tra trước đây, loại hình quản lý gây nuôi của cơ sở (ví dụ, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và/hoặc thu hoạch từ tự nhiên). Có nhiều cơ sở thực hiện kết hợp một số (hoặc tất cả) các chế độ quản lý gây nuôi nêu trên. Việc kiểm tra cơ sở này có thể yêu cầu phải xem xét kỹ lưỡng, chi tiết hơn nhằm đảm bảo tuân thủ các hình thức quản lý hạn chế hơn, ví dụ như nuôi sinh sản và nuôi sinh trưởng. Đối với những cơ sở mới thành lập, Cơ quan Quản lý CITES, với sự phối hợp của Cơ quan Khoa học CITES, cần tiến hành kiểm tra. Cuộc kiểm tra lần đầu này phải nghiêm ngặt nhằm thiết lập các thông tin cơ bản, chi tiết về loại hình quản lý gây nuôi mà cơ sở đang thực hành và số lượng các mẫu vật đang nuôi, để có thể so sánh với những cuộc kiểm tra sau này.
3. Kiểm tra các hồ sơ ghi chép hiện có để xác định cơ sở đang gây nuôi loài nào, và loại mẫu vật nào (động vật sống, da, v.v.) và số lượng (hoặc trọng lượng) đã xuất khẩu trước đây. Ghi chép lại thông tin này trong PHIẾU 1 (trang 11).
4. Để ước tính số lượng mẫu vật ở các giai đoạn sống khác nhau hoặc các cấp tuổi mà chúng cần hiện diện tại trại lúc kiểm tra, hãy hoàn thành Bảng tính Năng lực Sản xuất (trang 7) dựa vào các thông tin thu thập được từ cuộc kiểm tra trước đó hoặc các thông tin khác gần đây nhất, nếu có. Lưu ý rằng số lượng mẫu vật hiện diện là tổng sản xuất của các năm kế tiếp trừ đi số lượng mà cơ sở đã bán/xuất khẩu và số lượng động vật chết theo tỷ lệ trung bình trong quá trình phát triển của các cấp tuổi của loài đó. Đây chính là lý do tại sao điều quan trọng là phải biết được và đã truy cập thông tin của những lần kiểm tra trước đó và quá trình sở hữu, đã bán và xuất khẩu các mẫu vật của cơ sở đang đề cập.
5. Khi đi kiểm tra, phải đảm bảo mang đầy đủ các phiếu thu thập thông tin và các vật dụng cần thiết để ghi chép nhằm tránh phải nhớ các thông tin quan trọng. Nếu có thể, nên sử dụng camera kỹ thuật số để hỗ trợ cho các chi tiết bằng văn bản của cuộc kiểm tra.
6. Tốt nhất là nên có hai cán bộ tiến hành kiểm tra nhằm đảm bảo tính khách quan và nhằm tránh cho một cán bộ đơn lẻ bị tác động trong trường hợp phát hiện có sai lệch hoặc bất thường của trại nuôi.

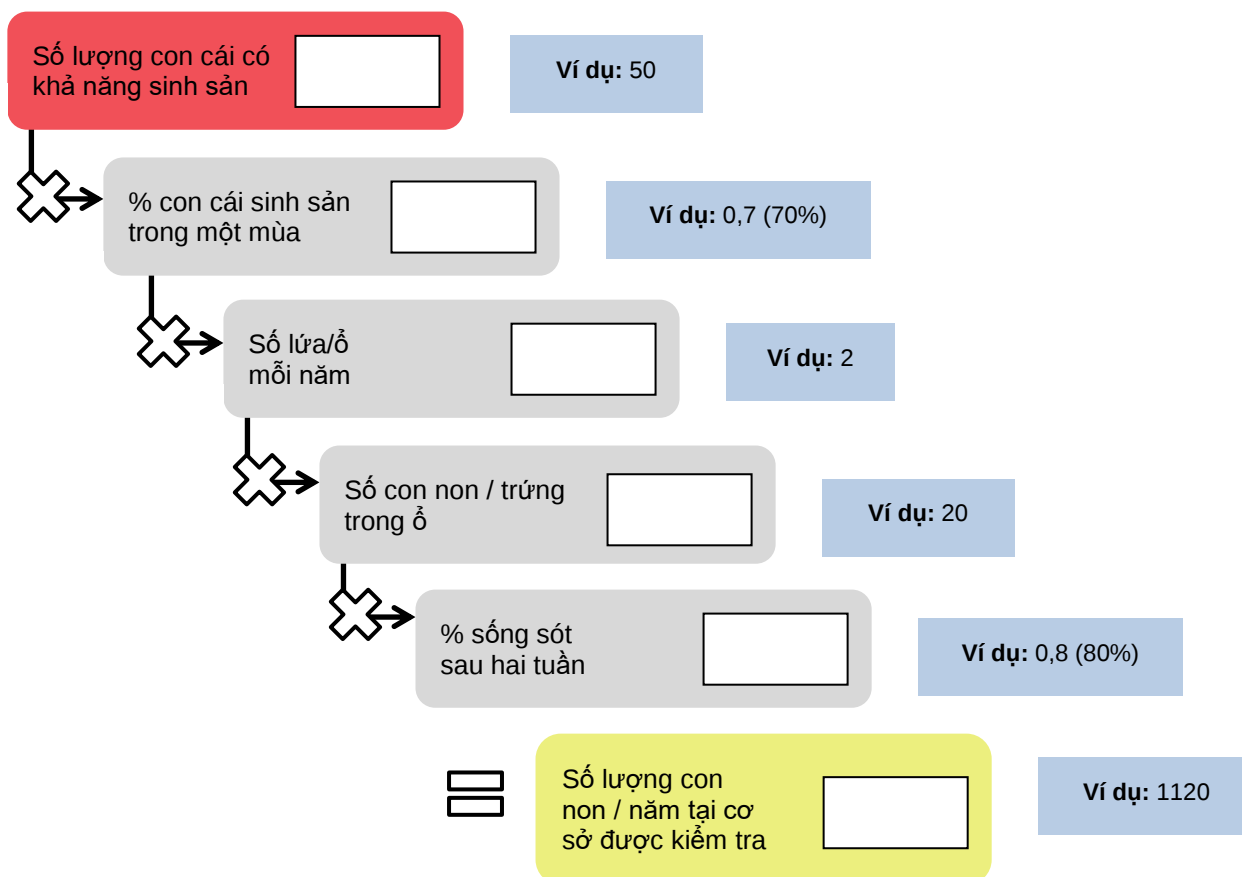
CÁC NHIỆM VỤ Ở BƯỚC 1 CẦN ĐƯỢC HOÀN THÀNH (đánh dấu các ô khi đã xong):

- ☐ Xác nhận chủ trại nuôi hoặc người quản lý sẽ có mặt tại cơ sở khi tiến hành cuộc kiểm tra.
- ☐ Xác nhận rằng chủ trại nuôi hoặc người quản lý biết được phải có những thông tin cần thiết và sẵn sàng cung cấp hồ sơ ghi chép về đàn vật nuôi (ví dụ, bản sao giấy phép gây nuôi, hồ sơ ghi chép về nuôi sinh sản, v.v.)
- ☐ Sử dụng các thông tin từ các cuộc kiểm tra trước đó để hoàn thành PHIẾU 1 (trang 11) liên quan đến việc cơ sở đã được đăng ký gây nuôi loài nào và số lượng các mẫu vật đang nuôi. Nếu không có những thông tin đó thì cuộc kiểm tra này được coi là lần đầu, bạn phải hoàn thành PHIẾU 1 trong chuyến kiểm tra này.
- ☐ Hoàn thành Bảng tính Năng lực Sản xuất, dựa vào các thông tin có sẵn (trang 7).
- ☐ Hãy đảm bảo rằng bạn có vật dụng để viết (bút chì, sổ, thước), các báo cáo kiểm tra trước đó (nếu có) và camera kỹ thuật số (nếu có).

BẢNG TÍNH NĂNG LỰC SẢN XUẤT

Bảng tính này cho phép cán bộ kiểm tra ước tính khách quan số lượng trung bình các cá thể mà cơ sở đó có thể sản xuất ra, dựa trên số lượng con cái trưởng thành (sinh sản) được quan sát và số lượng trung bình được sinh sản hằng năm. Việc tính toán phải được hoàn thành trước khi kiểm tra (bằng cách sử dụng thông tin từ các cuộc kiểm tra trước đó và các hồ sơ ghi chép chính thức về việc xuất khẩu, v.v.). Sau đó, lặp lại việc tính toán theo số lượng đàn bố mẹ được khảo sát trong quá trình kiểm tra hiện tại. Kết quả tính toán này có thể truy ngược được (ví dụ, bằng cách dùng phép chia) để xác định số lượng con cái cần phải có nhằm đáp ứng sản lượng đã khai báo hàng năm.

Bắt đầu từ ô màu đỏ và kết thúc ở ô màu vàng trong sơ đồ dưới đây để hoàn thành việc tính toán năng lực sản xuất trước và sau khi kiểm tra, dựa vào sản lượng đã được khai báo của cơ sở. Các giải thích được trình bày ở dưới sơ đồ.



CÁC THAM SỐ NUÔI SINH SẢN	THÔNG TIN ĐƯỢC NHẬP VÀO BẢNG TÍNH SẢN LƯỢNG
Số lượng con cái có khả năng sinh sản	Tổng số con cái có khả năng sinh sản được quan sát hoặc khai báo tại cơ sở. Nhập số nguyên. Ví dụ: 50.
% trung bình con cái sinh sản trong một mùa	Tỷ lệ trung bình (%) con cái sinh sản một lứa hoặc ổ trứng trong năm. Thông tin này có thể do cơ sở cung cấp, tuy nhiên phải được xác nhận bằng cách sử dụng các nguồn bên ngoài đáng tin cậy. Ví dụ: 70% nhập là 0,7
Số ổ trung bình / năm	Số ổ được con cái sinh ra trung bình trong một năm. Thông tin này có thể do cơ sở cung cấp, tuy nhiên phải được xác nhận bằng cách sử dụng các nguồn bên ngoài đáng tin cậy. Nhập số nguyên, ví dụ là 2.
Số con non / trứng trong ổ (tính trung bình)	Thông tin này có thể do cơ sở cung cấp, tuy nhiên phải được xác nhận bằng cách sử dụng các nguồn bên ngoài đáng tin cậy. Nhập số nguyên, ví dụ là 20.
% trung bình sống sót sau hai tuần¹	Số trung bình (%) của trứng hoặc con non được sinh ra và sống sót sau hai tuần kể từ ngày nở hoặc sinh ra. Nhập tỷ lệ phần trăm (con non sống sót). Ví dụ: Nhập 80% là 0,8.
Số lượng con non / năm tại cơ sở được kiểm tra	Số lượng ước tính của con non mà số con cái được quan sát hoặc khai báo có thể sinh sản mỗi năm.

¹ % sống sót sau hai tuần là một khoảng thời gian bất kỳ mà động vật của hầu hết các bậc phân loại thường có tỷ lệ chết cao nhất. Chúng tôi thừa nhận rằng khoảng thời gian hai tuần có thể phù hợp với một số loài này hơn các loài khác và khuyến khích cán bộ kiểm tra áp dụng các ước lượng cụ thể theo loài đang quan tâm mà mình biết được, nếu cần.

BƯỚC 2: TRONG QUÁ TRÌNH KIỂM TRA CƠ SỞ

A. Gặp chủ trại hoặc người quản lý

1. Sau khi đến cơ sở, hãy gặp chủ trại hoặc người quản lý. Giải thích mục đích của cuộc kiểm tra và xác nhận lại những thông tin cần thu thập.
2. Xác nhận với chủ trại hoặc người quản lý về những thông tin sẽ nhập vào PHIẾU 1 (phiếu thu thập dữ liệu) dựa vào các thông tin từ các cuộc kiểm tra hoặc hồ sơ ghi chép buôn bán trước đó. Cập nhật phiếu này sao cho phù hợp.
3. Hiểu các thông tin có trong PHIẾU 1 về số lượng mẫu vật và hoạt động thương mại trước đó của cơ sở. Cùng với những thông tin do chủ trại hoặc người quản lý cung cấp, hãy ghi nhớ những thông tin này và bắt đầu xem xét liệu các thông tin đó có chứng thực với những gì quan sát được trong quá trình kiểm tra thực thể hay không.

B. Kiểm tra cơ sở

1. Kiểm tra cơ sở cùng với chủ trại và/hoặc người quản lý. Khi tiến hành kiểm tra, hãy chụp ảnh các mẫu vật ở tất cả các giai đoạn sống, chuồng nuôi hoặc phương tiện nuôi giữ động vật, các khu vực lưu trữ và/hoặc chế biến thức ăn, và nơi ấp trứng.
2. Hoàn thành các câu hỏi ở CÁC PHIẾU 2-4, ghi nhớ mức độ sinh sản của cơ sở đã được chủ trại hoặc người quản lý khai báo.
3. Sử dụng các thông tin thu thập trong CÁC PHIẾU 2-4, hoàn thành Xác định Nguồn gốc (trang 8) để xác định nguồn gốc chính xác của mẫu vật tại cơ sở.
4. Sau khi tiến hành kiểm tra thực tế đàn vật nuôi và cơ sở, cán bộ Cơ quan Quản lý và (tốt nhất là cùng) các đại diện của Cơ quan Khoa học phải gặp chủ trại hoặc người quản lý để kiểm tra hồ sơ ghi chép và thảo luận về bất cứ vấn đề nào liên quan đến cuộc kiểm tra.

CÔNG VIỆC CẦN HOÀN THÀNH:

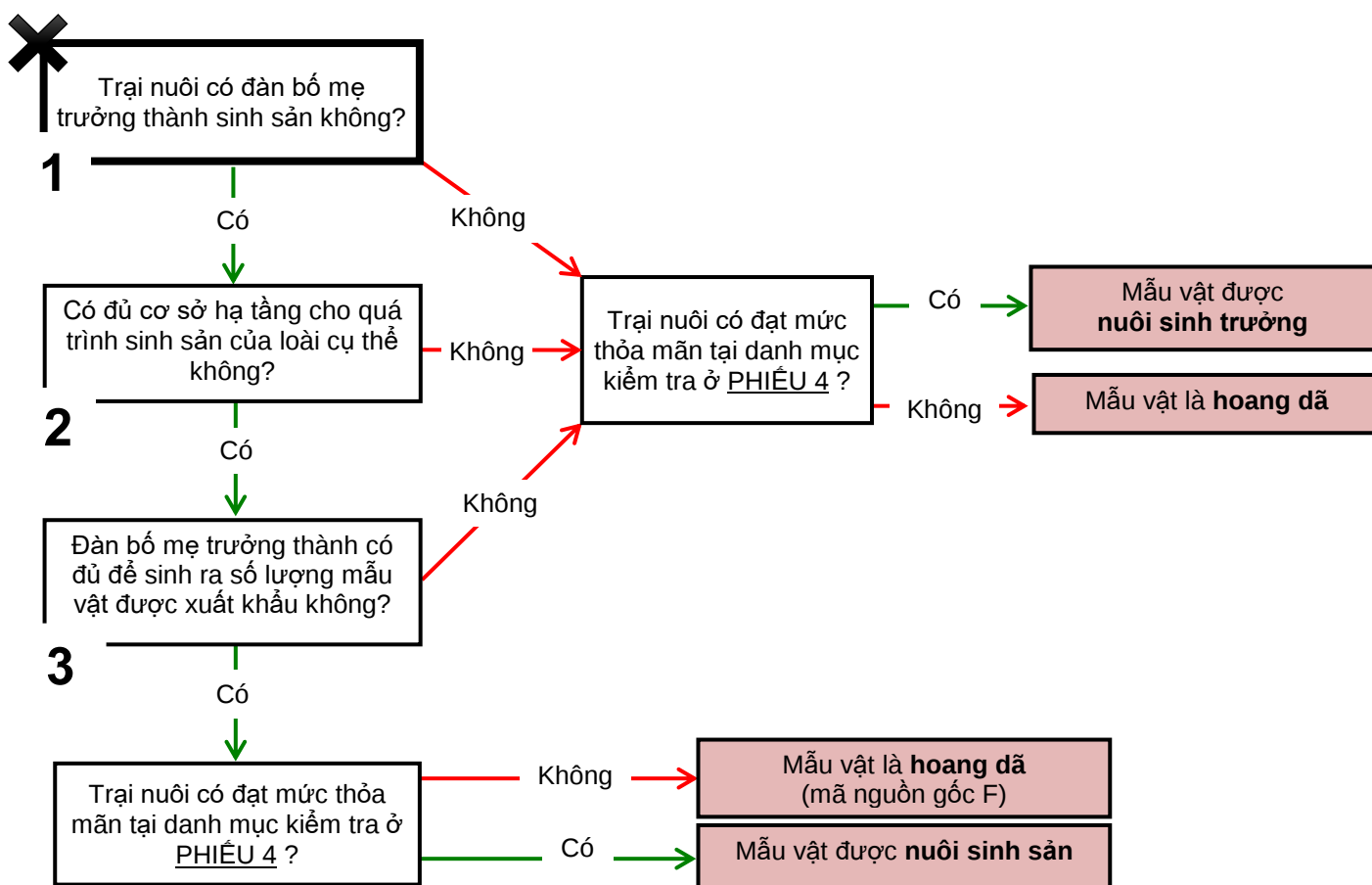
- ☐ Hoàn thành các phiếu thu thập thông tin CÁC PHIẾU 2-4 (trang 11-14).
- ☐ Hoàn thành Xác định Nguồn gốc (trang 9).

LƯU Ý VỀ CÁC PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

1. Các phiếu thu thập thông tin kèm theo tài liệu hướng dẫn này là để ghi chép các thông tin quan trọng về cơ sở đang được kiểm tra, và số lượng và loại mẫu vật được cơ sở nuôi sinh sản hoặc nuôi sinh trưởng. Kiến thức tích lũy về trại nuôi qua thời gian là thông tin cơ bản, hữu ích cho việc đối chiếu sau này và phát hiện các hoạt động có khả năng bất hợp pháp. Phải in tất cả các phiếu thu thập thông tin, trước mỗi lần kiểm tra.
2. PHIẾU 1 (trang 11) phải được điền xong trước khi kiểm tra thực tế bằng cách sử dụng các thông tin từ các lần kiểm tra/thăm trại trước đó. Cán bộ kiểm tra có thể sử dụng thông tin này để tự làm quen về trại nuôi trước khi tiến hành kiểm tra và cũng là nguồn tham khảo để đối chiếu số liệu do trại nuôi khai báo với những gì quan sát được.
3. PHIẾU 2 (trang 12) nhằm thu thập thông tin cơ bản về trại nuôi và phải được điền trong quá trình kiểm tra.
4. PHIẾU 3 (trang 13) nhằm thu thập thông tin chi tiết về MỖI loài đang được gây nuôi tại cơ sở và phải được điền trong quá trình kiểm tra.
5. PHIẾU 4 (trang 14) phải được điền một phần trong quá trình kiểm tra và hoàn tất sau đó. Hãy sử dụng phiếu này để đưa ra quyết định cuối cùng về trại nuôi bằng cách ghi điểm theo bộ câu hỏi trong danh mục kiểm tra và so sánh chúng với Bảng 2 ở trang 16 của tài liệu hướng dẫn này. PHIẾU 4 cũng sẽ giúp xác định mã nguồn gốc thích hợp cho mẫu vật thương mại của trại nuôi.

XÁC ĐỊNH NGUỒN GỐC

1. Để xác định nguồn gốc mẫu vật thương mại của trại nuôi, hãy yêu cầu người quản lý giải thích về quy trình sản xuất và ghi chép thông tin được cung cấp vào phần nuôi sinh sản và nuôi sinh trưởng ở PHIẾU 3.
2. Để xác minh một cách độc lập nguồn gốc mẫu vật, hãy hoàn thành sơ đồ Nguồn gốc phía dưới đây, bắt đầu ở dấu X màu đen và trả lời từng câu hỏi với “Có” hoặc “Không”, trước khi tiếp tục.
3. Sơ đồ Nguồn gốc phải được sử dụng kết hợp với các kết quả của danh mục kiểm tra tại PHIẾU 4.
4. Nội dung giải thích được nêu ở dưới sơ đồ Nguồn gốc để hỗ trợ cho việc trả lời từng câu hỏi.



GIẢI THÍCH CHO CÁC CÂU HỎI 1 – 3

- Quản thể động vật trưởng thành đang được nuôi là đặc trưng quan trọng của bất kỳ cơ sở nuôi sinh sản nào. Đàn động vật trưởng thành phải được đánh dấu một cách thích hợp {bắt buộc đối với loài thuộc Phụ lục I [Nghị quyết Hội nghị 2.10 (Rev. CoP15)]} và phải được nuôi trong các chuồng hoặc phương tiện nuôi giữ an toàn, tách biệt với đàn vật nuôi chưa trưởng thành. Tuy nhiên, việc tách các con trưởng thành ra khỏi các con khác của tổng đàn có thể không áp dụng được cho tất cả các loài (ví dụ, các loài chim sống bầy đàn hoặc một số động vật có vú).
- Chuồng hoặc các phương tiện nuôi giữ có thể có cát, bùn hoặc mảnh vụn gạch đá để cá sấu hoặc rùa đẻ trứng, các hộp làm tổ cho chim, rân hoặc các loài thú nhỏ, hang cho một số loài thú hoặc kỳ đà, hoặc thảm thực vật và chất nền phù hợp cho cá cảnh, lưỡng cư và động vật không xương sống. Đối với một số loài, nhất là các loài thú lớn (như thú móng vuốt, gấu, hổ), phải có đủ chuồng trại để những con cái đang mang thai hoặc cho con bú có thể sống tách biệt khỏi quần thể động vật trưởng thành nói chung. Cuối cùng, trong một số trường hợp, cũng có thể cần có các cơ sở riêng biệt để ấp trứng, hoặc phòng thí nghiệm và trạm thú y để thúc đẻ trứng (ví dụ, cá). Đối với những loài không yêu cầu các cơ sở riêng biệt để phục vụ sinh sản, câu trả lời vẫn phải là "Có".
- Bằng cách sử dụng Bảng tính Năng lực Sản xuất (trang 7), cán bộ Cơ quan Quản lý, với sự tư vấn của đại diện Cơ quan Khoa học, phải xác định xem liệu số động vật trưởng thành đã quan sát được có khả năng sinh sản ra số lượng trứng và/hoặc con non như đã khai báo hoặc quan sát được. Nếu có thể, ghi lại tổng số con cái sinh sản để ước tính chính xác hơn về mức độ sản xuất hàng năm.

THÔNG TIN CƠ BẢN TỪ LẦN KIỂM TRA GẦN NHẤT

(Được Cơ quan Quản lý tổng hợp từ hồ sơ của mình)

Ngày kiểm tra : _____ Họ tên của cán bộ chủ trì kiểm tra: _____

Tên cơ sở: _____

Ngày kiểm tra gần nhất: _____

Những loài nào được cơ sở đăng ký sản xuất để xuất khẩu:

Tên khoa học	Tổng số mẫu vật ở lần kiểm tra gần nhất	Số con trưởng thành sinh sản (nếu có thể xác định được số con mẹ) ở lần kiểm tra gần nhất	Số mẫu vật đã bán / xuất khẩu kể từ lần kiểm tra gần nhất	*Mã nguồn gốc như đã ghi trong giấy phép xuất khẩu lần trước

*Định nghĩa mã nguồn gốc *Truy cập www.cites.org để biết định nghĩa chi tiết*

R – Trứng hoặc con non được thu hoạch từ tự nhiên để nuôi sinh trưởng tại trại.

C – Các loài thuộc Phụ lục II CITES được nuôi sinh sản vì mục đích thương mại hoặc loài thuộc Phụ lục I được nuôi sinh sản vì mục đích phi thương mại.

D – Các loài thuộc Phụ lục I CITES được nuôi sinh sản vì mục đích thương mại.

Bước tiếp theo: Hoàn thành mẫu 2 về cơ sở.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

Ngày kiểm tra : Họ tên của cán bộ chủ trì kiểm tra :

Tên cơ sở:

Họ tên và chức vụ của tất cả cán bộ kiểm tra có mặt:

1.

2.

Loại kiểm tra:

☐ Ban đầu

 Ngày kiểm tra gần nhất:

☐ Thông thường

☐ Tiếp tục *(trong các trường hợp có sự khác biệt hoặc bất thường, đã phát hiện trong lần kiểm tra trước đó, nhưng vẫn còn tồn tại)*

Tên giao dịch của cơ sở:

Chủ cơ sở:

Địa chỉ và thông tin liên lạc:

.....

.....

Năm thành lập cơ sở:

Hiện có bao nhiêu nhân viên làm việc tại cơ sở?

Toàn thời gian Bán thời gian

Họ tên và công việc của nhân viên tại cơ sở cùng làm việc với (các) cán bộ kiểm tra:

.....

.....

Cơ sở có sử dụng các dịch vụ thú y chuyên nghiệp không? Có ☐ Không ☐

Nếu có, cho biết tên và địa chỉ của cán bộ thú y?

.....

Cơ sở có nuôi giữ động vật tại bất kỳ địa điểm nào khác không? Có ☐ Không ☐

Nếu có, thì ở đâu?

Nếu có, sắp xếp để kiểm tra (các) địa điểm khác đó càng sớm càng tốt

Bước kế tiếp: Hoàn thành Mẫu 3 về các loài cụ thể.

THÔNG TIN CÁC LOÀI

(được hoàn thành riêng cho mỗi loài được nuôi tại cơ sở)

3

Ngày kiểm tra : _____ Họ tên của cán bộ chủ trì kiểm tra : _____

Tên cơ sở : _____ Loài: _____

*Ngày đầu tiên có được loài này? _____

Nguồn và giai đoạn sống của đàn vật nuôi ban đầu? _____

Số lượng vật nuôi ban đầu, và giới tính nếu biết _____ Đực? Cái?

*Ngoài đàn vật nuôi ban đầu nêu trên, có nhận thêm động vật nữa không? Nếu có, thì từ đâu?

Trại có **NUÔI SINH SẢN** loài này ? Có ☐ Không ☐

Trại bắt đầu nuôi sinh sản khi nào? _____

Số lứa đẻ/ổ trứng mỗi năm? _____

Số con/trứng trong mỗi lứa/ổ trứng? _____

Số con được sản xuất trong năm ngoái? _____

Trại có **NUÔI SINH TRƯỞNG** loài này không?

Có ☐ Không ☐

Thu hoạch ở giai đoạn sống nào? _____

Số lượng đã thu hoạch trong năm ngoái? _____

ĐÀN TRƯỞNG THÀNH SINH SẢN	Thông tin của trại nuôi	Cán bộ kiểm tra đếm (nếu có thể)
Số lượng vật nuôi trưởng thành hiện có?		
Số lượng con đực hiện có?		
Số lượng con cái hiện có?		
Tỷ lệ % con cái sinh sản hằng năm?		
Thức ăn cho động vật trưởng thành là gì? _____		

ĐÀN ĐANG NUÔI (TÍNH CẢ NUÔI SINH SẢN VÀ NUÔI SINH TRƯỞNG)	Thông tin của trại nuôi	Cán bộ kiểm tra đếm (nếu có thể)
Số lượng con chưa trưởng thành hiện có?		
Tuổi thành thực sinh dục (năm)?		
Kích thước hoặc trọng lượng ở tuổi thành thực sinh dục (cm hoặc g)?		
Kích thước khi bán (cm hoặc g)		
Bao nhiêu phần trăm con non sống sót hơn 2 tuần? <i>Bao gồm tỷ lệ chết của trứng không nở.</i>		
Thức ăn cho động vật đang nuôi chưa trưởng thành là gì? _____		

* Cán bộ kiểm tra phải đảm bảo các mẫu vật được sở hữu hợp pháp và tuân thủ theo CITES. Đối với mẫu vật của loài thuộc Phụ lục I, thì phải có hóa đơn và/hoặc các chứng từ mua bán.

Ngày kiểm tra:	_____	Họ tên của cán bộ chủ trì kiểm tra :	_____
Tên cơ sở:	_____	Tên loài:	_____

TÍNH ĐIỂM VÀ QUYẾT ĐỊNH CUỐI CÙNG VỀ CƠ SỞ			
<i>Đánh dấu (✓) vào ô mà nó phản ánh chính xác nhất về trại nuôi theo từng câu hỏi. Mỗi ô sẽ tương ứng với số điểm. Không đánh dấu các ô màu xám.</i>			
<i>Khí hoàn thành, cộng tổng để xác định điểm số cuối cùng cho cơ sở. Sử dụng tổng điểm này để đưa ra quyết định về hiện trạng của cơ sở ở phía cuối trang.</i>			
Giải thích cho mỗi câu hỏi được trình bày tại Trang 13 của tài liệu hướng dẫn này.	Điểm		
	0	1	2
Phần chung			
A. Cơ sở có đăng ký nuôi giữ và sinh sản hợp pháp tất cả các loài đã quan sát được trong quá trình kiểm tra ?	Không	Có	
B. Có thấy hoạt động bất thường nào trong quá trình kiểm tra không?	Có	Không	
Cơ sở			
C. Cơ sở có chuồng nuôi/phương tiện nuôi giữ phù hợp cho loài và giai đoạn sống đang được quan tâm ?	Không	Có	
D. Chuồng nuôi/phương tiện nuôi giữ có đầy đủ và/hoặc phù hợp với mức sản xuất được báo cáo hàng năm và tổng đàn đang nuôi tại trại ?	Không		Có
E. Cơ sở có cập nhật hồ sơ ghi chép về các mẫu vật của loài đang được xuất khẩu ?	Không	Có	
F. Cơ sở có các trang thiết bị phù hợp để sản xuất và/hoặc lưu trữ và/hoặc chuẩn bị thức ăn phù hợp cho loài được nuôi ?	Không		Có
Loài cụ thể			
G. Sản lượng do trại khai báo có khớp với sản lượng được tính toán (từ số lượng của đàn bố mẹ; # con đực, # con cái, # con chưa trưởng thành) ?	Không		Có
H. Vật nuôi tại trại có bất kỳ dấu hiệu nào về nguồn gốc hoang dã ? (xem phần ghi chú giải thích tại Bảng 1)?	Có	Không	
I. Loài này có được biết là khó nuôi sinh sản và/hoặc khó duy trì chúng trong điều kiện nuôi nhốt ?	Có	Không	
J. Cơ sở đã được thành lập đủ lâu để sản xuất loài đó theo số lượng và kích cỡ đã khai báo ?	Không	Có	
Các loài thuộc Phụ lục I			
K. Đối với các loài thuộc Phụ lục I, đàn bố mẹ và mẫu vật có được đánh dấu bằng một công cụ nhận dạng ổn định và có số ghi ?	Không	Có	
Tổng điểm cuối cùng			
Quyết định cuối cùng:			
<i>Xem Trang 14 của tài liệu hướng dẫn để biết thông tin về việc đưa ra quyết định cuối cùng cho cơ sở.</i>			
☐ Thỏa mãn			
☐ Cần kiểm tra tiếp tục			
☐ Không thỏa mãn			

Bảng 1. Giải thích để hướng dẫn hoàn thành các câu hỏi ở PHIẾU 4.

Câu hỏi số	Giải thích
A.	Trại nuôi phải có giấy phép để nuôi giữ các loài được quan sát trong quá trình kiểm tra. Điều này còn bao gồm cả những loài không nuôi sinh sản để xuất khẩu thương mại, nhưng được nuôi giữ riêng tại trại.
B.	Phải ghi chép các hoạt động bất thường đã quan sát được trong quá trình kiểm tra. Điều này có thể bao gồm, nhưng không giới hạn ở, việc không cho cán bộ kiểm tra vào một khu vực nào đó của trại nuôi (là nơi có thể nuôi giữ những mẫu vật không được phép buôn bán, hoặc cơ sở có thể không có giấy phép nuôi giữ); các chứng cứ về vận chuyển những mẫu vật không được phép buôn bán; và chủ trại hoặc người quản lý không thể cung cấp thông tin về những mẫu vật đang được nuôi giữ, hoặc không biết được nơi để lấy những thông tin này.
C.	Chuồng nuôi hoặc các phương tiện nuôi giữ thích hợp phải: Ngăn chặn vật nuôi thoát ra môi trường tự nhiên; Ngăn chặn động vật hoang dã xâm nhập vào trại nuôi và các chuồng nuôi hoặc phương tiện nuôi giữ để pha trộn với mẫu vật được nuôi sinh sản; và Cung cấp những tiện ích cần thiết cho sự tăng trưởng và phát triển của loài cụ thể. Chuồng nuôi hoặc các phương tiện nuôi giữ thích hợp theo loài có thể bao gồm lồng thép, bể kính, ao (ví dụ, rùa và cá), chuồng bò sát, chuồng chim, sân hoặc bãi đất có vây rào (ví dụ, cho các loài thú). Chúng cũng có thể yêu cầu các vật liệu xây dựng thích hợp và chiều cao tối thiểu theo từng loài vật nuôi. Phải có các kết cấu và vật dụng thích hợp trong chuồng để giúp vật nuôi tăng trưởng, khỏe mạnh, ví dụ như vật chứa thức ăn và nước uống, có nơi để ẩn náu và sưởi nắng, có vùng nước và vùng đất thích hợp cho các loài lưỡng cư, có ánh sáng và nhiệt độ phù hợp, v.v.
D.	Chuồng nuôi hoặc các phương tiện nuôi giữ thích hợp phải có đầy đủ trang thiết bị, kết cấu và không gian để động vật sinh sản sống được. Phải có đủ số lượng chuồng nuôi và các phương tiện nuôi giữ để sản xuất ra số con non và/hoặc mẫu vật như trại nuôi đã khai báo.
E.	Lưu trữ hồ sơ ghi chép là một phần không thể tách rời của việc quản lý cơ sở nuôi sinh sản và/hoặc nuôi sinh trưởng. Những cơ sở thật sự nuôi sinh sản và nuôi sinh trưởng luôn lưu trữ các hồ sơ ghi chép về đàn vật nuôi, cách thực hành gây nuôi nói chung và biện pháp điều trị bệnh hoặc thương tích của vật nuôi. Những ghi chép khác có thể bao gồm: Tỷ lệ chết và xử lý các mẫu vật bị chết; Sản xuất hàng năm (con non, trứng, tỷ lệ nở, v.v.) Số lượng và nguồn gốc đàn bố mẹ; và Độ tuổi và đánh dấu mẫu vật (ví dụ, băng hoặc thẻ có đánh số, bộ nhận phát tín hiệu, các kiểu đánh dấu riêng biệt). Hồ sơ ghi chép có thể đơn giản như là các ghi chú viết tay trong nhật ký để tạo nên các sổ gốc, có thể trực tuyến.
F.	Trại nuôi phải cung cấp thức ăn thích hợp cho tất cả các giai đoạn sống của vật nuôi. Ví dụ, trăn chưa trưởng thành có thể yêu cầu những con chuột nhỏ, nhưng trăn trưởng thành có thể ăn chuột lớn hoặc gà.
G.	Số lượng mẫu vật được khai báo nuôi sinh sản nhưng vượt quá năng lực sản xuất của trại nuôi là dấu hiệu của việc có thể có các hoạt động đáng ngờ. Cán bộ kiểm tra phải sử dụng Bảng tính Năng lực Sản xuất (trang 7) để xác định sản lượng có thể đạt được. Câu hỏi này không liên quan đến các cơ sở nuôi sinh trưởng, tuy nhiên phải được giải quyết ở những cơ sở đã khai báo thực hiện bất cứ hình thức nuôi sinh sản nào trong môi trường có kiểm soát.
H.	Mẫu vật bị đánh bắt từ tự nhiên thường có những dấu hiệu mà chúng không được tìm thấy ở vật nuôi, điều này cảnh báo cho các cán bộ kiểm tra rằng có thể khai báo sai về nuôi sinh sản. Các chỉ báo này có thể bao gồm: - Bị căng thẳng cao (những con thú liên tục đi lại trong chuồng, mũi bị thương của các loài rắn, rất hung dữ hoặc thụ động và uể oải); - Tổn thương (sẹo trên da của tất cả các loài, mai rùa bị rạn nứt, những vết thương do cắn); và Lượng ký sinh trùng cao (con ve trên các loài rắn, thằn lằn và rùa, rận trên các loài thú và chim) hoặc các vấn đề về da (hói /trọc, vảy bất thường, thối vỏ/mai, v.v...).

I.	Trại nuôi khai báo sản xuất số lượng lớn các mẫu vật của loài được biết là khó nuôi sinh sản và/hoặc khó duy trì chúng trong điều kiện nuôi nhốt.
J.	Buôn bán số lượng lớn các mẫu vật từ trại nuôi mới thành lập gần đây có thể cho thấy hoạt động đáng ngờ. Trại nuôi đó phải được thành lập đủ lâu để sản xuất ra con non (nếu khai báo là nuôi sinh sản). Các ví dụ về trường hợp này xảy ra bao gồm những loài tăng trưởng chậm hoặc phải mất rất nhiều năm để đạt thành thực sinh dục, và các loài cho rất ít con non trong một lứa.
K.	Các mẫu vật của loài thuộc Phụ lục I CITES phải được đánh dấu bằng các công cụ nhận dạng ổn định (xem Nghị quyết Hội nghị 12.10 (Rev. CoP15)). Việc không tuân thủ yêu cầu này có thể báo hiệu các cách khác mà cơ sở đang không tuân theo những quy định.

BƯỚC 3: SAU KHI KIỂM TRA CƠ SỞ

1. Khi kiểm tra xong, hãy hoàn thành lại Bảng tính Năng lực Sản xuất (trang 7) để xác định số lượng mẫu vật cần có tại cơ sở, hoặc có khả năng được sản xuất ra, dựa vào các thông tin cập nhật đã thu thập được trong quá trình kiểm tra.
2. Sử dụng Bảng tính Năng lực Sản xuất (trang 7), và các thông tin thu thập được trong quá trình kiểm tra và nhập vào danh mục kiểm tra cơ sở ở PHIẾU 4, xác định tổng điểm cho cơ sở.
3. Sử dụng tổng điểm cho cơ sở và hướng dẫn ở Bảng 2 dưới đây, xác định cơ sở đó có khả năng là nuôi sinh sản và/hoặc nuôi sinh trưởng các mẫu vật tại trại.
4. Trong một số trường hợp (ví dụ, chênh lệch giữa số lượng con non theo ước tính và quan sát được hoặc thiếu cơ sở hạ tầng thích hợp cho nuôi sinh sản), có thể cần tiến hành các cuộc kiểm tra tiếp theo sâu hơn, với sự phối hợp của đại diện Cơ quan Khoa học (hoặc các chuyên gia phù hợp khác) để đánh giá chính xác hơn về phương thức gây nuôi và/hoặc nuôi sinh sản bằng cách kiểm tra chặt chẽ hơn nữa các hồ sơ ghi chép.

Bảng 2. Hướng dẫn đưa ra quyết định dựa trên tổng số điểm ở PHIẾU 4.

Điểm	Hướng dẫn xác định khả năng tuân thủ CITES
<8	<u>Không thể chắc chắn rằng</u> cơ sở đang nuôi sinh sản hoặc nuôi sinh trưởng số lượng mẫu vật như đã khai báo. Các cơ quan quản lý phải giám sát hoạt động của cơ sở này thật chặt chẽ. Trong trường hợp này, phải tiến hành các cuộc kiểm tra thêm và chặt chẽ hơn nữa, với sự hỗ trợ của các chuyên gia thích hợp. Cần phải thận trọng khi cấp giấy phép xuất khẩu. Nếu các cuộc kiểm tra bổ sung cho thấy hoạt động bất hợp pháp, thì chuyển vấn đề cho cơ quan thực thi pháp luật để có biện pháp thích hợp.
8 – 11	<u>Có thể rằng</u> loài đang quan tâm là được nuôi sinh trưởng (áp dụng mã nguồn gốc R). Trong trường hợp cơ sở khai báo nuôi sinh sản loài này, vẫn còn một số nghi ngờ về sự phù hợp của việc áp dụng mã nguồn gốc C hoặc D. Cần phải cẩn trọng khi cấp giấy phép. Tuy nhiên, điểm số này có thể chỉ phản ánh việc quản lý chưa tối ưu, và cần những thông tin bổ sung từ các cuộc kiểm tra nghiêm ngặt hơn để xác định năng lực sản xuất đáng tin cậy của trại nuôi.
> 11	Có <u>khả năng rất cao</u> là cơ sở đang nuôi sinh sản hoặc nuôi sinh trưởng.